

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN A  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 28-8-2020  
V/v ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Bùi Duy Thạch

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Tĩnh

Bà Trần Thị Thúy

**- Thư ký phiên toà:** Bà Ngô Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:** Bà Trương Thị Thanh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị T; cư trú tại số nhà X, đường Y, thị trấn T, huyện A1, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân T1; cư trú tại thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên toà.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Đỗ Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Xuân T1 kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện A vào ngày 15 tháng 3 năm 2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại gia đình anh Nguyễn Xuân T1 ở thôn H, xã H, huyện A. Quá trình chung sống, hai bên hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu

thuần do chị Đỗ Thị T có mối quan hệ bất hòa với gia đình chồng dẫn đến vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nên xảy ra va chạm cãi, chửi nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 3 năm 2020, chị Đỗ Thị T đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở thị trấn T, huyện A1, thành phố Hải Phòng sống ly thân với anh Nguyễn Xuân T1, hiện tại cả hai không ai quan tâm và trách nhiệm với nhau. Nay chị Đỗ Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Xuân K – sinh ngày 18 tháng 11 năm 2018, con chung hiện đang do anh Nguyễn Xuân T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị Đỗ Thị T đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con do chị và anh Nguyễn Xuân T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên ly hôn chị Đỗ Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

*Tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Xuân T1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, địa điểm chung sống của vợ chồng như chị Đỗ Thị T đã trình bày là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn nhưng giữa chị Đỗ Thị T với gia đình anh có phát sinh mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày, anh có nhắc nhở nhưng chị Đỗ Thị T không chịu tiếp thu, sửa chữa. Tháng 3 năm 2020, chị Đỗ Thị T bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở thị trấn T, huyện A1 sống ly thân với anh Nguyễn Xuân T1 mà không xin phép anh và gia đình. Sau khi chị T bỏ về, anh và gia đình đã nhiều lần sang gặp nhằm thuyết phục để chị T quay về nhưng chị T không đồng ý; hiện tại cả hai đã sống ly thân với nhau. Nay chị Đỗ Thị T xin ly hôn, anh Nguyễn Xuân T1 có quan điểm không nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị T, đề nghị Tòa án giúp đỡ vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị Đỗ Thị T trình bày là đúng; con chung hiện do anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu phải ly hôn, anh Nguyễn Xuân T1 đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; việc cấp dưỡng nuôi con do anh và chị Đỗ Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Nếu ly hôn, anh Nguyễn Xuân T1 không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự, các điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T1; về con chung, căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, xử giao con

chung Nguyễn Xuân K - sinh ngày 18 tháng 11 năm 2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con do các bên đương sự tự thỏa thuận; thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các bên đương sự, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Xuân T1 kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện A vào ngày 15 tháng 3 năm 2018. Quá trình chung sống, giữa chị Đỗ Thị T với gia đình chồng có những bất hòa trong sinh hoạt hàng ngày, từ đó dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp; vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Xuân T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T1. Anh Nguyễn Xuân T1 không đồng ý ly hôn nhưng không có giải pháp để khắc phục tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Xuân T1.

[2] Về con chung: Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Xuân T1 có 01 con chung Nguyễn Xuân K - sinh ngày 18 tháng 11 năm 2018. Ly hôn cả chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Xuân T1 đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy việc nuôi con chung vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha mẹ, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng cũng phải đảm bảo cho con chung được nuôi dạy trong điều kiện tốt nhất; con chung Nguyễn Xuân K chưa đủ 36 tháng tuổi và chị Đỗ Thị T không thuộc trường hợp "*người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con*" nên căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình cần giao con chung cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung do các bên đương sự tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét, giải quyết. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản: Do đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 143 và 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T1.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Xuân K - sinh ngày 18 tháng 11 năm 2018 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung do các bên đương sự tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét, giải quyết.

Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Chị Đỗ Thị T đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0012638 ngày 12 tháng 6 năm 2020) nên không phải nộp nữa.

Các đương sự có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND xã H;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Bùi Duy Thạch**